TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 641/2023/KDTM-PT
Ngày: 06-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Thảo

Bà Lưu Thị Đoan Trang

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Lân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06-6-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2023/TLPT-KDTM ngày 09-3-2023 về tranh chấp "hợp đồng mua bán hàng hóa".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1667/2023/QĐ-PT ngày 17-4-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 5682/2023/QĐ-PT ngày 16-5-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Sản xuất – T
Địa chỉ: Lô 6 Đường E, Khu công nghiệp TT, phường TT A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Xuân Nh, sinh năm 1980; địa chỉ: Lô 9A Đường C, Khu công nghiệp TT, phường TT A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 01/2022/SMC-GUQ ngày 12-5-2022) (có mặt).

Bị đơn: Tổng Công ty Đ – TNHH MTV
Địa chỉ: Số 41 đường SNA, phường BR, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thái B, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 41 đường SNA, phường BR, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Nguyễn Nam V, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 30 đường KDV, Phường QE, Quận

Y, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 304A/UQ-TCT-VP ngày 15-5-2023) (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn Tổng Công ty Đ – TNHH MTV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12-5-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần Sản xuất – T (sau đây gọi tắt là Công ty T) và Chi nhánh của Tổng Công ty Đ – TNHH MTV là Công ty K (sau đây gọi tắt là Công ty K) đã ký kết Hợp đồng kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm số 031507/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 15-7-2019 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng số 031507) và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 022408/SMC/KD/PLHĐ/2019 ngày 24-8-2019 (sau đây gọi tắt là Phụ lục hợp đồng số 022408). Theo hợp đồng, Công ty T cung cấp cho Công ty K bê tông trộn sẵn đến công trình: Gói thầu 5A – thuộc dự án Chung cư AH 4, KDC AH, Phường QR, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị hợp đồng theo khối lượng bê tông cung cấp thực tế, tổng giá trị ước tính là 11.549.989.541 đồng. Thanh toán 100% giá trị trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tổng hợp khối lượng.

Thực hiện hợp đồng, từ ngày 15-7-2019 đến ngày 24-8-2020, Công ty T đã cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty K đến công trình với tổng giá trị thực tế là 9.103.632.250 đồng. Công ty T đã xuất đầy đủ hóa đơn giá trị gia tăng và giao hồ sơ thanh toán cho Công ty K. Ngày tổng hợp khối lượng sau cùng là ngày 24-8-2020 và ngày xuất hóa đơn giá trị gia tăng sau cùng là ngày 17-9-2020. Hai bên không có tranh chấp hay khiếu nại gì về khối lượng và chất lượng bê tông.

Công ty K đã thanh toán cho Công ty T một phần công nợ với số tiền là 5.639.316.750 đồng, còn nợ Công ty T 3.464.315.500 đồng.

Ngày 31-12-2021, Công ty K và Công ty T lập Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó Công ty T xác định Công ty K còn nợ số tiền là 3.464.315.500 đồng, Công ty K xác định còn nợ Công ty T số tiền 3.370.297.750 đồng. Lý do có sự chênh lệch số tiền 94.017.750 đồng là do Công ty K chưa tính nợ phát sinh của hóa đơn giá trị gia tăng số 15397 ngày 31-10-2019. Hóa đơn giá trị gia tăng này Công ty T đã giao cho Công ty K.

Công ty K là Chi nhánh của Tổng Công ty Đ – TNHH MTV (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty Đ), do đó Tổng Công ty Đ có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng do Chi nhánh xác lập, thực hiện.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu Toà án buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng số 031507 và Phụ lục hợp đồng số 022408 ngày 24-8-2019 với số tiền nợ gốc là 3.464.315.500 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01-11-2020 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 9%/năm là 584.104.309 đồng, tổng cộng là 4.048.419.809 (bốn tỷ, không trăm

bốn mươi tám triệu, bốn trăm mười chín nghìn, tám trăm lẻ chín) đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Thái Bình là người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng Công ty Đ trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tổng Công ty Đ không đồng ý thanh toán vì lý do giữa Công ty T và Công ty K chưa ký kết xong biên bản đối chiếu công nợ, do đó chưa xác định được số liệu cuối cùng về khối lượng hàng hóa đã giao và số tiền phải thanh toán. Ngoài ra, việc ký kết, thực hiện, thanh toán hợp đồng là quan hệ giữa Công ty K và Công ty T, do đó Công ty K có trách nhiệm thực hiện. Các chứng từ thanh toán đều không có sự tham gia của Tổng Công ty Đ nên nguyên đơn yêu cầu Tổng Công ty Đ thanh toán khoản nợ là không phù hợp.

Ông Nguyễn Nam Việt là người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng Công ty Đ đồng thời là Giám đốc của Công ty K trình bày: Công ty K thực hiện công trình Gói thầu 5A – thuộc dự án Chung cư AH 4, KDC AH, Phường QR, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 869/QĐ-TCT-KT DA ngày 31-8-2018 của Tổng Công ty Đ. Công ty K là chi nhánh hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Đ. Việc ký kết hợp đồng với Công ty T đều được Công ty K thông báo cho Tổng Công ty Đ biết, số tiền thanh toán một phần công nợ trước đây đều do nguồn tiền của Tổng Công ty Đ. Công ty K không có khiếu nại về chất lượng hàng hóa đã giao. Tuy nhiên, Công ty K không phủ nhận nhưng cũng chưa xác nhận khối lượng bê tông mà Công ty T đã giao. Đối với số tiền còn lại mà nguyên đơn yêu cầu thì giữa Công ty K và Công ty T chưa đối chiếu xong công nợ, do đó chưa đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận 1 đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc Tổng Công ty Đ – TNHH MTV có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất – T số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm số 031507/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 15-7-2019 và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 022408/SMC/KD/PLHĐ/2019 ngày 24-8-2019 với số tiền nợ gốc là 3.464.315.500 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là 584.104.309 đồng, tổng cộng là 4.048.419.809 (bốn tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm mười chín nghìn, tám trăm lẻ chín) đồng.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Sản xuất – T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty Đ – TNHH MTV còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Tổng Công ty Đ – TNHH MTV phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.048.420 (một trăm mười hai triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Sản xuất – T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.399.678 (năm mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi tám) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005906 ngày 01-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 30-9-2022, Toà án nhân dân Quận 1 ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 5233/2022/QĐ-SCBSBA sửa chữa Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022, theo đó sửa dòng thứ 10 đến dòng thứ 14 (từ dưới lên) trang 7 của bản án là *"Kể từ ngày Công ty Cổ phần Sản xuất – T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty Đ – TNHH MTV còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án"* được sửa chữa thành *"Kể từ ngày Công ty Cổ phần Sản xuất – T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty Đ – TNHH MTV còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005"*.

Ngày 06-10-2022, Tổng Công ty Đ có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên toà, các bên đương sự không tự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm số 031507/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 15-7-2019 và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 022408/SMC/KD/PLHĐ/2019 ngày 24-8-2019. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn có trụ sở tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên Toà án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt tại phiên toà sơ thẩm ngày 28-9-2022, Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Toà án cấp sơ thẩm ngày 06-10-2022 là còn trong thời hạn luật định, kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn về việc bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đã đánh giá, nhận định sai bản chất chứng cứ, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.* Hội đồng xét xử nhận thấy căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm có đủ cơ sở xác định: Công ty T và Công ty K ký kết và thực hiện Hợp đồng kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm số 031507/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 15-7-2019 và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 022408/SMC/KD/PLHĐ/2019 ngày 24-8-2019, Công ty T đã cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty K với tổng giá trị theo các hoá đơn giá trị gia tăng là 9.103.6 32.250 đồng. Công ty K không có khiếu nại về chất lượng và đã thanh toán được một phần công nợ với số tiền là 5.639.316.750 đồng.

[3] Tại Biên bản đối chiếu số dư công nợ số 100/TV-KB ngày 26-01-2021, Công ty K xác nhận đến ngày 31-12-2020 còn nợ nguyên đơn số tiền mua bê tông trộn sẵn cho công trình chung cư An Hội 4 là 3.370.297.750 đồng; nguyên đơn xác định công nợ đến ngày 31-12-2020 là 3.464.315.500 đồng, chênh lệch 94.017.750 đồng do chưa tính phát sinh nợ của Hoá đơn giá trị gia tăng số 15397 ngày 31-10-2019. Đến ngày 31-12-2021, hai bên tiếp tục lập Biên bản đối chiếu công nợ nhưng vẫn không thống nhất được công nợ đối với hoá đơn số 15397. Xét thấy, nguyên đơn đã xuất hoá đơn số 15397 ngày 31-10-2019 cho Công ty K với tổng giá trị ghi trên hoá đơn là 94.017.750 đồng, có ông Hồ Văn Vịnh ký phần "người mua hàng", đại diện của bị đơn xác nhận ông Hồ Văn Vịnh là nhân viên Công ty K, do đó việc bị đơn không xác nhận số nợ 94.017.750 đồng phát sinh từ Hoá đơn giá trị gia tăng số 15397 ngày 31-10-2019 là không có căn cứ.

[4] Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301479844-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện Công ty K là Chi nhánh của bị đơn, hoạt động theo uỷ quyền của doanh nghiệp Tổng Công ty Đ – TNHH MTV; như vậy, Công ty K có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp và không có tư cách pháp nhân. Theo ông Nguyễn Nam Việt, Giám đốc Công ty K việc ký kết hợp đồng với nguyên đơn đều được Công ty K thông báo cho bị đơn biết, số tiền thanh toán một phần công nợ trước đây là nguồn tiền của bị đơn do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán dư nợ phát sinh từ hoạt động của Công ty K theo Hợp đồng kinh tế số 031507/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 15-7-2019; Phụ lục hợp đồng kinh tế số 022408/SMC/KD/PLHĐ/2019 ngày 24-8-2019; Biên bản đối chiếu số dư công nợ số 100/TV-KB ngày 26-01-2021; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31-12-2021; Hoá đơn giá trị gia tăng số 15397 ngày 31-10-2019 với tổng dư nợ 3.464.315.500 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 3 của Hợp đồng, khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại 2005, khoản 6 Điều 84 của Bộ luật Dân sự năm 2015 *"Pháp nhân có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh, văn phòng đại diện xác lập, thực hiện"*.

[5] Về yêu cầu tính lãi chậm trả, theo Điều 3 của Hợp đồng quy định thời hạn thanh toán 100% giá trị trong 30 ngày kể từ ngày tổng hợp khối lượng và bộ hồ sơ thanh toán. Nguyên đơn căn cứ ngày tổng hợp khối lượng sau cùng là ngày 24-8-2020, ngày xuất hoá đơn giá trị gia tăng sau cùng 17-9-2020 và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01-11-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 28-9-2020, mức lãi suất áp dụng 9%/năm. Theo đó tiền lãi chậm thanh toán là 3.464.315.500 đồng x 697 ngày x 9%/365 ngày = 595.387.702 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị thanh toán tiền lãi chậm trả 584.104.309 đồng.

[6] Xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng, do đó bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán tiền lãi chậm trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005. Căn cứ mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thành phố hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là 15,375%/năm. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất 9%/năm cũng như thời gian tính lãi, số tiền lãi là có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Đ – TNHH MTV. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 260/2022/KDTM-ST ngày 28-9-2022 của Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Sản xuất – T.

Buộc Tổng Công ty Đ – TNHH MTV có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất – T số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế về việc mua bán bê tông thương phẩm số 031507/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 15-7-2019 và Phụ lục hợp đồng kinh tế số 022408/SMC/KD/PLHĐ/2019 ngày 24-8-2019 với số tiền nợ gốc là 3.464.315.500 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử là 584.104.309 đồng, tổng cộng là 4.048.419.809 (bốn tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm mười chín nghìn, tám trăm lẻ chín) đồng.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 306 Luật Thương mại 2005.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

Án phí sơ thẩm:

Tổng Công ty Đ – TNHH MTV phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 112.048.420 (một trăm mười hai triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi) đồng.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Sản xuất – T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 55.399.678 (năm mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm bảy mươi tám) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005906 ngày 01-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Tổng Công ty Đ – TNHH MTV phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0461 ngày 12-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Quỳnh Trâm